

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 25-6-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Phùng

Ông Bùi Đình Ngát

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1986. Đăng ký HKTT: Thôn V 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Số 5, ngõ 26, đường K, phường Đ, quận H, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn V 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 4 năm 2021 và bản tự khai ngày 11 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện tìm hiểu và chung sống với anh Hoàng Văn Q từ năm 2010, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hỏi, cưới theo phong tục truyền thống. Đến ngày 26 tháng 4 năm 2011, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn vào tháng 3 năm 2016 do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh Q nghi ngờ chị không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau và anh còn đánh chị nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2016. Năm 2019, anh Q làm đơn xin ly hôn chị, sau đó anh tự nguyện rút đơn. Từ khi anh rút đơn, tình cảm vợ chồng không hòa hợp được, anh chị vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Hoàng Thị Diệu L1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2011 và Hoàng Thị Thu A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2015. Ly hôn, chị đồng ý để anh Q trực tiếp nuôi cả hai con đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận giao, nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 27 tháng 5 năm 2021, anh Q trình bày: Thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, nguyên nhân và thời gian xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân. Tháng 9 năm 2019, anh nộp đơn xin ly hôn chị L nhưng vì muốn cho chị L cơ hội sửa chữa nên anh rút đơn, Tòa án nhân dân huyện K đã đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019. Do chị L không thay đổi tính cách, nói chuyện không tôn trọng anh nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Anh chị vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Hoàng Thị Diệu L1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2011 và Hoàng Thị Thu A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2015. Ly hôn, anh nhận nuôi cả hai con đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận giao, nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Q, anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên nội dung, yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong đơn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện các quyền nhưng chưa chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh Q là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L, cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Giao cả 02 con là Hoàng Thị Diệu L1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2011 và Hoàng Thị Thu A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2015 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận giao, nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*- Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Hoàng Văn Q là bị đơn có nơi cư trú: Thôn V 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai, các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp. Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại thôn V 2, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K và người làm chứng cung cấp: Chị L kết hôn với anh Q do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 26 tháng 4 năm 2011. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3 năm 2016 do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ xã hội nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2016. Tháng 9 năm 2019, anh Q nộp đơn xin ly hôn chị L nhưng vì muốn cho chị L cơ hội sửa chữa nên anh rút đơn, Tòa án nhân dân huyện K đã đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019. Từ sau khi anh Q rút đơn, anh chị vẫn sống ly thân, mỗi người ở một nơi, chỉ thỉnh thoảng chị L về nhà thăm con xong lại đi ngay. Đến nay, tình cảm anh chị vẫn không thể hòa hợp. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L có căn cứ, cần được chấp nhận, nên xử cho chị L được ly hôn anh Q là phù hợp với các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con là Hoàng Thị Diệu L1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2011 và Hoàng Thị Thu A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2015 đang do anh Q nuôi dưỡng. Nay anh chị đều thống nhất khi ly hôn để anh Q trực tiếp nuôi cả 02 con, cháu L1 cũng có nguyện vọng xin được ở với anh Q. Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại thôn V 2, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K và người làm chứng cung cấp: Từ khi anh chị sống ly thân, anh Q nuôi dưỡng các cháu đảm bảo về sức khỏe, được học tập và các chi phí sinh hoạt thiết yếu khác đầy đủ. Anh Q làm việc trong lĩnh vực xây dựng và đi giết mổ gia súc thuê có mức thu nhập trung bình khoảng 12.000.000 đồng/01 tháng, có chỗ ở ổn định và còn có bố mẹ đẻ anh Q giúp đỡ, chăm sóc trực tiếp cho các cháu hàng ngày. Do đó, cần giao cả 02 cháu cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị L và anh Q đã tự thỏa thuận giao, nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Diệu L1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2011 và cháu Hoàng Thị Thu A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2015 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị L và anh Q tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu: AA/2016, số: 0009121 ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị L đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã Đ, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**